

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Nguyễn Tuấn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29/3/2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu 04, xã C, huyện Đ, tỉnh P

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 04, xã C, huyện Đ, tỉnh P

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã C, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về ở cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện Đ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị Th và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 05/10/2010 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 13/8/2013. Các cháu đều đang ở cùng anh Đ và mẹ anh Đ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị nhất trí để 02 con cho anh Đ nuôi dưỡng, cho các cháu có chị có em. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với mẹ anh Đ là bà Nguyễn Thị Th và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C đều thể hiện: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn với nhau năm 2009 tại UBND xã C trên cơ sở hai bên đều tự nguyện. Quá trình chung sống do xảy ra mâu thuẫn, nên từ năm 2017 chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà Th cũng xác nhận việc chị Th xin ly hôn anh Đ có biết. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, bà Thu đều nhận và thông báo cho anh Đ, anh Đ biết nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 05/10/2010 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 13/8/2013. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Th không đề nghị giải quyết nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th cư trú tại xã C, huyện Đ, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về điều kiện kết hôn: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn năm năm 2009 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh P. Tuy khi đăng ký kết hôn chị Thảo chưa đủ tuổi, nhưng đến nay chị Th đã đủ điều kiện kết hôn, chị Th không đề nghị hủy hôn nhân trái pháp luật mà đề nghị giải quyết ly hôn, nên Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Th về chung sống cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do thường xuyên bất đồng quan điểm sống không hợp nhau. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền địa phương và gia đình anh Đ cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Đ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Đ đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc chị Th xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Chị Th và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 05/10/2010 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 13/8/2013, các cháu đều đang ở với anh Đ. Chị Th đề nghị sau khi ly hôn để cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, nguyện vọng của các cháu cũng xin được ở với anh Đ. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cả hai con chung của vợ chồng cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ. Nếu anh Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.4]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Th không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 05/10/2010 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 13/8/2013, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi thành niên. Chị Th không phải cấp

dưỡng nuôi con chung cho anh Đ. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị Th phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: 0002167 ngày 29/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường